

4 Thu phí tham quan ở một số Vườn quốc gia



6 Chuyển đổi đất rừng đặc dụng tại vườn quốc gia Yok Đôn và Vũ Quang

7 Quản lý dữ liệu về sinh vật biến đổi gen



9 Ban hành Chiến lược mới về bảo vệ môi trường quốc gia

Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015



11 Tiêu chí cho túi ni-lông thân thiện với môi trường

12 Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu

13 Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

14 Dự thảo thông tư mới về quản lý quy hoạch thủy điện



16 Thống kê - Dữ liệu

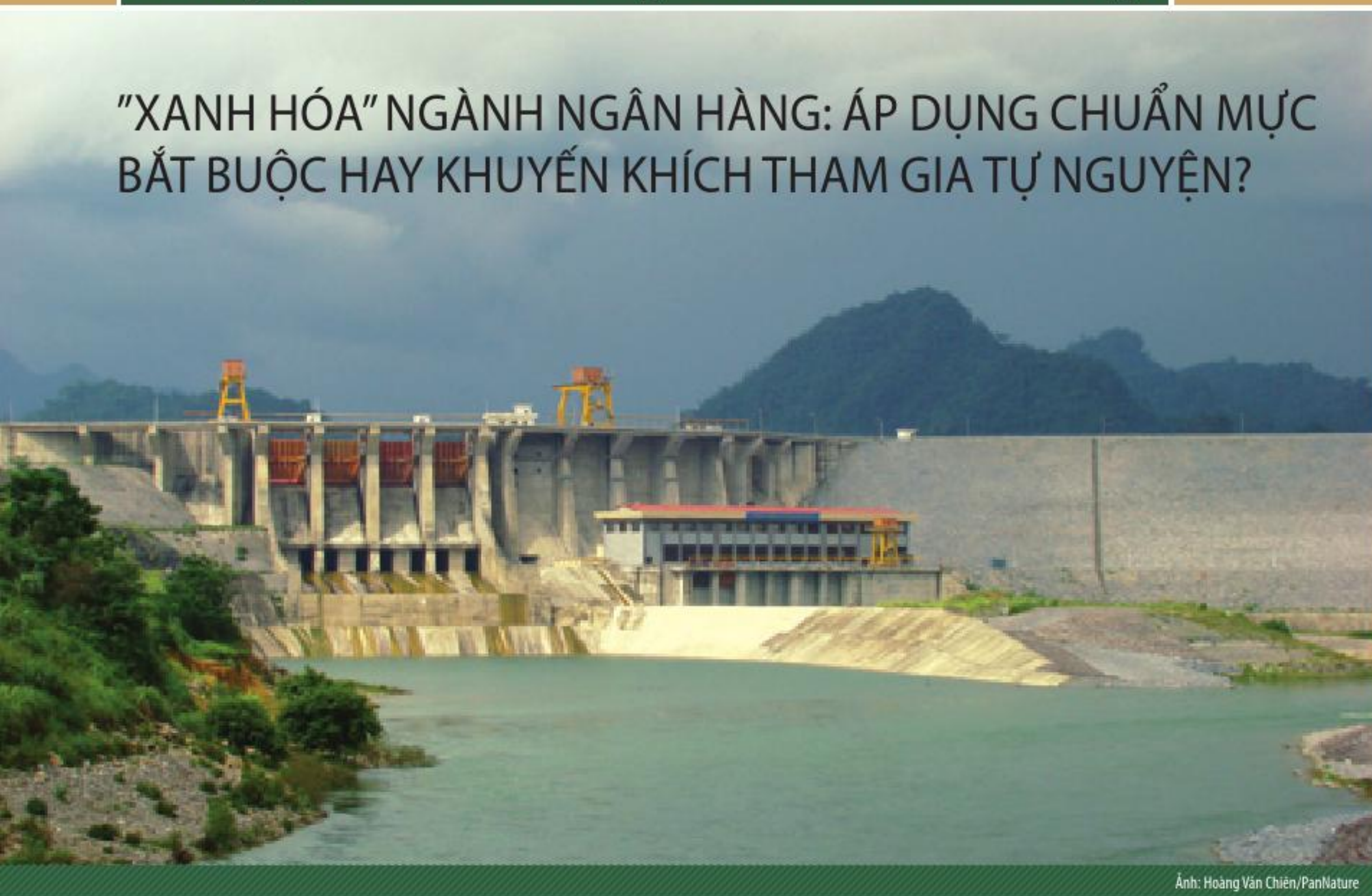
Bản tin

CHÍNH SÁCH

Trung tâm
CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN
SỐ 7, QUÝ III/2012

Tài nguyên • Môi trường • Phát triển bền vững

"XANH HÓA" NGÀNH NGÂN HÀNG: ÁP DỤNG CHUẨN MỰC BẮT BUỘC HAY KHUYẾN KHÍCH THAM GIA TỰ NGUYỆN?



Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature

Tại hội thảo "Quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong ngành ngân hàng" do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) phối hợp cùng Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) tổ chức vào ngày 21-22/08/2012, đại diện của SBV cho biết SBV và IFC đã ký một thỏa thuận hợp tác với mục tiêu cuối cùng là SBV sẽ đưa ra quy định về việc các ngân hàng hoạt động ở Việt Nam cần phải có trách nhiệm đối với môi trường và xã hội thông qua việc thẩm định nghiêm ngặt các dự án khi xét duyệt tín dụng.

Cũng trong hội thảo này, công ty tư vấn MCG trình bày kết quả khảo sát của họ về hoạt động quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong ngành ngân hàng ở Việt Nam. Khảo sát này đóng vai trò làm cơ sở để SBV xây dựng quy định trong ngành với sự tư vấn và hỗ trợ của IFC. Theo kết quả khảo sát, 89% số ngân hàng tham gia khảo sát không biết đến bất kỳ tài liệu hướng dẫn hay tiêu chí nào về quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong ngành tài chính. 93% các ngân hàng



- cũng cho rằng cần phải có hướng dẫn về vấn đề này. Tuy nhiên, các ngân hàng nước ngoài đang hoạt động ở Việt Nam cho rằng SBV chỉ nên quy định về tiêu chuẩn chứ không nên quy định chi tiết về cách làm do một số ngân hàng nước ngoài đã có quy chế và quy trình đánh giá riêng. Việc thay đổi theo một quy trình mới sẽ gây ra nhiều bất tiện. Trong khi đó, các ngân hàng Việt Nam lại tỏ ý muốn có một hướng dẫn chi tiết.

Theo một nghiên cứu độc lập chưa công bố của Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) được tiến hành ở cùng thời điểm với khảo sát nói trên của MCG, việc các ngân hàng chưa thực sự quan tâm đến các vấn đề môi trường và xã hội trong hoạt động tín dụng không chỉ đơn giản là vì họ “không biết làm như thế nào”. Dù hầu hết các cán bộ tín dụng ngân hàng chưa được đào tạo về việc thẩm định các rủi ro môi trường và xã hội nhưng kinh nghiệm làm việc cũng ít nhiều giúp họ hình dung được những ảnh hưởng của các dự án mà họ cho vay vốn đến môi trường tự nhiên và an sinh xã hội. Tuy nhiên, những ảnh hưởng này trên thực tế chưa phải là những rủi ro quá lớn đối với ngân hàng khiến họ phải chủ động đưa ra các biện pháp phòng ngừa và bảo hộ. Một lãnh đạo cấp cao của một ngân hàng lớn ở Việt Nam cũng cho biết, thách thức lớn nhất để các ngân hàng thực hiện trách nhiệm của mình đối với môi trường, xã hội là việc đánh đổi giữa các lợi ích kinh tế từ những dự án gây tác động và việc trở thành một ngân hàng “xanh hơn” với những lợi ích còn chưa nhìn thấy được.

Nghiên cứu của PanNature thực hiện đối với 19 ngân hàng thương mại Việt Nam lớn nhất hiện nay (dựa trên vốn điều lệ và tài sản) cho thấy mới chỉ có ngân hàng Sacombank đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro tín dụng với môi trường và xã hội. Theo đó, các dự án được phân loại dựa trên mức độ tác động đến môi trường. Trên cơ sở đó, Sacombank có thể ra quyết định có cấp tín dụng cho dự án hay không và có những kế hoạch giám sát, kiểm tra và thỏa thuận với khách hàng để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng của dự án đến môi trường.

Trong bối cảnh hiện nay của ngành ngân hàng Việt Nam với những yêu cầu cải tổ, tái cơ cấu, và bắt đầu suy nghĩ về một tương lai bền vững hơn thay vì chỉ đầu tư “ăn xổi,” việc SBV ra một quy định chung trong toàn ngành về vấn đề trách nhiệm môi trường và

xã hội có thể sẽ là một bước đà cho những ngân hàng lớn ở Việt Nam đang muốn đi tiên phong trong lĩnh vực này. Cũng theo nghiên cứu nói trên của PanNature, một rào cản đối với việc thực hiện trách nhiệm môi trường và xã hội trong hoạt động tín dụng là do một số ngân hàng lớn cũng còn e dè chưa muốn một mình đi tiên phong.

Tuy nhiên, cách tiếp cận này của ngành ngân hàng Việt Nam, thông qua một quy định áp đặt từ trên xuống cũng không tránh khỏi có thể có những hạn chế cần phải cân nhắc. Những bài học từ chương trình “Chính sách Tín dụng Xanh” mà Trung Quốc đã thực hiện từ năm 2007 có thể cũng là kinh nghiệm quý cho Việt Nam. Chính sách này được ban hành vào tháng 07/2007 nhằm khuyến khích các ngân hàng Trung Quốc thực hiện cấp tín dụng cho các dự án ít gây ô nhiễm, thân thiện với môi trường hay sử dụng năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, Trung Quốc đã mất gần năm năm kể từ khi bắt đầu ra chính sách cho đến khi xây dựng được một hướng dẫn tương đối chi tiết để thực hiện chính sách này (tháng 02/2012). Trước đó, một số các nghiên cứu độc lập về việc thực hiện chính sách này đều đánh giá không cao hiệu quả của nó đối với các hoạt động thực tiễn của các ngân hàng Trung Quốc¹. Một trong những khó khăn lớn nhất của việc thực hiện chính sách này ở Trung Quốc là việc thiếu đi một hệ thống đánh giá đáng tin cậy về các ngành nghề và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường để làm căn cứ cho các ngân hàng phân loại dự án, đặc biệt là khi nhiều ngành gây ô nhiễm cũng đang là những ngành mang lại lợi nhuận cao cho nhiều địa phương². Cũng theo nghiên cứu này, số cơ sở gây ô nhiễm được đưa vào danh sách đen (và không thể vay vốn ngân hàng cho đến khi họ cải thiện được tình trạng gây ô nhiễm) được cho là quá ít so với số cơ sở bị phạt bởi Bộ Bảo vệ Môi trường Trung Quốc do gây ô nhiễm (38 so với 8.000 năm 2007). Nếu ngành ngân hàng Việt Nam đi theo con đường này, đây cũng sẽ là thách thức lớn nhất, đồng thời cũng có thể trở thành một lý do để các ngân hàng trì hoãn và né tránh việc cắt giảm tín dụng cho những ngành, những cơ sở gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến dân sinh nhưng mang lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp và cho ngân hàng. ■

¹ Bo, L. (2010). Environmental Record of Chinese Banks

² Zhang, B., Yang, Y., & Bi, J. (2011). Tracking the implementation of green credit policy in China: top-down perspective and bottom-up reform. *Journal of environmental management*, 92(4), 1321–7.



Ảnh: Trần Hải/PanNature

MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA THẾ GIỚI

Mỹ có lẽ là một trong những nước đầu tiên trên thế giới có quy định về trách nhiệm đối với môi trường không chỉ của doanh nghiệp gây ô nhiễm mà còn của các bên liên quan khác, trong đó có thể bao gồm cả ngân hàng cho vay vốn cho các công trình, dự án gây ô nhiễm khi thông qua Đạo luật Bồi hoàn Môi trường Toàn diện (CERCLA - Comprehensive Environmental Response, Compensation, and Liability Act) năm 1980. Mặc dù Đạo luật này có miễn trừ trách nhiệm của người cho vay (thường là các tổ chức tín dụng), nhưng những trường hợp người cho vay có tham gia một mức nhất định đến việc đảm bảo an toàn môi trường, xã hội của công trình/dự án gây ô nhiễm (ví dụ, sở hữu) thì cũng phải nộp phạt một khoản phí không nhỏ.

Năm 1990, tập đoàn tài chính Fleet Factors đã bị tòa án Mỹ ra phán quyết phải thực hiện bồi hoàn môi trường do đầu tư và có liên đới trực tiếp đến một công trình gây ô nhiễm. Đây là một vụ kiện kinh điển trong ngành tài chính Mỹ, và mặc dù gây nhiều tranh cãi vẫn khiến cho các tổ chức tín dụng sau đó phải nghiêm túc tính toán đến những rủi ro môi trường khi cho vay vốn. Bên cạnh đó, những quy định nghiêm ngặt của CERCLA về bồi hoàn môi trường cũng tác động gián tiếp đến các ngân hàng vì nếu phải

bồi hoàn môi trường thì chủ đầu tư dự án sẽ mất khả năng trả nợ cho ngân hàng. Viện Quốc tế về Phát triển Bền vững (IISD) dẫn kết quả một cuộc điều tra của Hiệp hội Ngân hàng Mỹ cho biết sau vụ Fleet Factors, 63% ngân hàng ở Mỹ đã từ chối cấp vốn cho các dự án mà họ cho là có rủi ro về môi trường và 46% trong số các ngân hàng này đã quyết định chấm dứt tài trợ cho một số ngành hay gây ô nhiễm môi trường.

Tại châu Âu, năm 1989, Ủy ban Châu Âu (EC) đưa ra một bản dự thảo Chỉ thị về Trách nhiệm Dân sự đối với những tổn hại do rác thải. Tuy nhiên, đến năm 2004, Chỉ thị này mới được chính thức đưa ra sau khi EC thu hẹp bớt những quy định về người chịu trách nhiệm với cơ sở gây ô nhiễm do các ngân hàng châu Âu lo ngại đây sẽ trở thành một CERCLA thứ hai. Sau khi Chỉ thị này có hiệu lực (từ tháng 4/2004), các nước thành viên của EC có ba năm để xây dựng luật tại quốc gia mình. Tuy nhiên, đến tháng 07/2010 việc này mới được hoàn tất nên đánh giá về hiệu quả thực hiện còn hạn chế.

Bên cạnh việc luật hóa trách nhiệm như các ví dụ ở trên, có một số nỗ lực khác ngoài nhà nước nhằm thúc đẩy trách nhiệm của ngành ngân hàng đối với môi trường và xã hội. Trong đó có

thể kể đến Sáng kiến Tài chính của Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc (UNEPFI), Cam kết Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hiệp Quốc (UNGC), Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm của Liên Hiệp Quốc, Nguyên tắc Xích đạo (EP)³, Nguyên tắc Các-bon, Nguyên tắc Khí hậu, ISO 26000 và một số sáng kiến/dự án khác. Trong đó, EP là bộ chuẩn mực được chính các tổ chức tài chính xây dựng và cam kết thực hiện. Năm 2002, IFC và 9 ngân hàng quốc tế họp ở London để bàn về trách nhiệm của các ngân hàng đối với tài chính phát triển và quyết định xây dựng một bộ tiêu chuẩn thực hiện trách nhiệm đối với môi trường, xã hội dựa trên các bộ tiêu chuẩn đã có của IFC. EP được chính thức ra đời năm 2003 và đến nay đã có 77 tổ chức tài chính tham gia cam kết. EP được sửa đổi lần thứ nhất năm 2006 và hiện đang được sửa đổi lần thứ hai. Bản thảo sửa đổi lần II đang được đưa ra lấy ý kiến rộng rãi. Hiện nay, EP được xem như bộ chuẩn mực tự nguyện mang tính hướng dẫn tốt nhất đối với các nhà đầu tư tài chính. Một số quốc gia không có một chính sách chung như “Tín dụng xanh” nhưng các ngân hàng thương mại vì nhiều lý do có thể tự nguyện cam kết thực hiện các bộ tiêu chuẩn này.

³ Nguyên tắc Xích đạo được Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) biên dịch và đăng tải tại địa chỉ: <http://bit.ly/btcs0017>

QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN RỪNG

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Việc thành lập và quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (BVPTR) được quy định chi tiết trong Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ. Một trong những nhiệm vụ cơ bản của Quỹ là tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính theo quy định, trong đó bao gồm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR). Hệ thống Quỹ BVPTR được thành lập theo 03 cấp: Cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã ở những xã có rừng.

Theo Báo cáo tháng 10/2012 của Quỹ BVPTR Việt Nam về việc triển khai các hoạt động của Quỹ và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, sau hơn 4 năm Nghị định số 05/2008/

NĐ-CP được ban hành, ngoài Quỹ BVPTR cấp Trung ương đã đi vào vận hành đầy đủ, 22/35 tỉnh tiềm năng cũng đã tổ chức thành lập và vận hành Quỹ. Một số tỉnh tiêu biểu đã thành lập Quỹ BVPTR là Lâm Đồng, Sơn La, Đắk Nông, Lào Cai, Lai Châu, Nghệ An. Một số tỉnh khác còn chưa chủ động kiện toàn bộ máy để nhận tiền dịch vụ môi trường rừng như Điện Biên, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Đồng Nai và Phú Yên. Tính đến ngày 30/09/2012, Quỹ BVMTR đã thu ủy thác tiền DVMTR của năm 2011 và Quý I, II, III năm 2012 là 540 tỷ đồng và đã ký được 25 hợp đồng ủy thác DVMTR với các cơ sở sản xuất thủy điện và cung ứng nước sạch trên toàn quốc.

Tuy Nghị định 05/2008/NĐ-CP đã được ban hành nhưng việc thành lập Quỹ BVPTR vẫn còn gặp nhiều khó khăn do chưa có các thông tư hướng dẫn cụ thể và nhiều cơ quan quản lý địa phương chưa hiểu hết mục đích của Quỹ. Mặt khác, theo quy định, Quỹ cần một lượng vốn ngân sách ban đầu nhưng không phải tỉnh nào cũng có điều kiện hỗ trợ. Ngoài ra, việc thu tiền DVMTR đòi hỏi việc xác định chính xác diện tích, ranh giới của từng chủ rừng. Đây là một trong những nhiệm vụ hết sức khó khăn và tốn kém trong khi các tỉnh hầu như không cân đối được kinh phí cho nội dung này.



Ảnh: Nguyễn Việt Dũng/PanNature

Thu phí tham quan ở một số Vườn quốc gia

THÔNG TƯ 126/2012/TT-BTC NGÀY 07/08/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ THAM QUAN TẠI CÁC VƯỜN QUỐC GIA: BẠCH MÃ, CÚC PHƯƠNG, BA VÌ, TAM ĐẢO, YOK ĐÔN VÀ CÁT TIÊN.

Theo đó, các tổ chức và cá nhân khi tham quan tại các Vườn quốc gia (VQG) kể trên

phải nộp phí tham quan 40.000 đồng/người/lượt đối với người lớn, 20.000 đồng/người/lượt đối với học sinh, sinh viên và trẻ em. Riêng trẻ em dưới 6 tuổi hoặc có chiều cao dưới 1.2 m không phải nộp phí tham quan, người khuyết tật và người cao tuổi sẽ được áp dụng mức tính phí riêng theo qui định của nhà nước.



- Tiền thu phí tham quan các VQG theo quy định tại Thông tư này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Trong đó, 80% nguồn thu từ phí sẽ được các Vườn sử dụng để trang trải chi phí cho việc quản lý và thu phí tham quan theo chế độ quy định. Còn 20% còn lại sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2012. Quyết định số 03/2008/QĐ-BTC ngày 15/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan tại các VQG Bạch Mã và VQG Cúc Phương sẽ được bãi bỏ. ■

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA QUẢN LÝ HỆ THỐNG CÁC KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN ĐẾN NĂM 2020

Vụ Bảo tồn Thiên nhiên (Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) đang tiến hành xây dựng chiến lược quản lý hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với sự giúp đỡ, hỗ trợ của Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ). Một trong những điểm đáng chú ý của chiến lược là tất cả các hệ thống KBTTN sẽ được quản lý trên một hệ thống chung sau năm 2020. Hiện Việt Nam có 6 vườn quốc gia do Trung ương quản lý. Các vườn quốc gia, khu bảo tồn khác

do các tỉnh quản lý. Hệ thống này được xem là không hiệu quả khi đa phần các nguồn vốn đầu tư hiện đều được dồn về cho 6 vườn quốc gia thuộc Trung ương trong khi các vườn quốc gia, KBT khác phải phụ thuộc nhiều vào ngân sách của tỉnh. Một nghịch lý là những tỉnh nghèo lại thường là các tỉnh có nhiều KBT hơn.

Chiến lược dự kiến sẽ đưa ra các mục tiêu cụ thể để bảo tồn đa dạng sinh học trong các KBTTN cũng như hoàn thiện một hệ thống quản lý các

KBT thống nhất, hiệu quả, và bền vững. Chiến lược sẽ đưa ra các giải pháp cụ thể về phát triển nguồn nhân lực, tài chính, chính sách để cải thiện việc quản lý hệ thống các KBTTN hiện tại và đồng thời cũng sẽ đưa ra một lộ trình tiến tới việc hợp nhất thành một hệ thống chung.

Dự kiến để cương chiến lược sẽ được thông qua và trình Chính phủ vào cuối năm nay.

Tăng cường quản lý các dự án thủy điện

CÔNG VĂN SỐ 4920/VPCP-KTN NGÀY 04/07/2012 CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN.

Theo đó, Phó Thủ tướng đã yêu cầu Bộ Công thương chủ trì và phối hợp cùng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phát triển thủy điện trên địa bàn cả nước và loại bỏ những dự án không hiệu quả, tác động xấu đến môi trường và xã hội như chiếm nhiều diện tích đất rừng, đất sản xuất, ảnh hưởng lớn đến di dân, tái định cư và cấp nước hạ du.

Ngoài ra, UBND các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương phải bố trí quỹ đất để chủ đầu tư các dự án thủy điện trồng rừng mới thay thế diện tích rừng bị mất cho dự án theo quy định. Trong trường hợp UBND chưa bố trí được quỹ đất, các chủ đầu tư dự án thủy điện sẽ phải nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để điều tiết trồng bù rừng theo quy định. ■

UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế đã quyết định loại 6 dự án thủy điện (Tà Li, Vi Linh, Rào La, Ô Lâu I, II và III) ra khỏi quy hoạch của tỉnh giai đoạn đến năm 2020 do các dự án này được đánh giá là mang lại hiệu quả kinh tế thấp, hạ tầng giao thông kết nối không đồng bộ và ảnh hưởng xấu đến môi trường. Ngoài ra, UBND tỉnh cũng tiến hành thu hồi giấy phép 3 dự án thủy điện khác do triển khai chậm, bao gồm thủy điện Sông Bồ I, II và thủy điện Tà Lương (Theo TTXVN, 25/09/2012).



Ảnh: Đỗ Hải Linh/PanNature



Ảnh: Nguyễn Xuân Lâm/PanNature

Chuyển đổi đất rừng đặc dụng tại vườn quốc gia Yok Đôn và Vũ Quang

CÔNG VĂN SỐ 2436/BNN-TCLN NGÀY 06/08/2012 CỦA BỘ NN-PTNT VỀ VIỆC XIN CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG ĐẶC DỤNG ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BUÔN TRÍ TẠI VQG YOK ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK.

Theo Bộ NN-PTNT, việc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Buôn Trí là cần thiết, phù hợp với mục tiêu ổn định đời sống người

dân vùng đệm VQG Yok Đôn, giảm tác động tiêu cực đến công tác quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên của vườn. Việc xây dựng công trình thủy lợi này cũng không ảnh hưởng lớn đến giá trị đa dạng sinh học của VQG Yok Đôn.

Theo Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng, việc chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng cho xây dựng công trình thủy lợi Buôn Trí thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, Bộ NN-PTNT đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng 31,11 ha rừng tại một số tiểu khu với 14 khoảnh; 19 lô của VQG Yok Đôn phục vụ việc xây dựng công trình thủy lợi Buôn Trí.

Trước đó, ngày 30/07/2012, Bộ NN-PTNT cũng có Công văn số 343/BNN-TCLN về việc chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng sang làm đường giao thông tại VQG Vũ Quang thuộc huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo đó, Bộ NN-PTNT đã đồng ý với đề nghị của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc chuyển đổi 5,59 ha rừng đặc dụng làm đường giao thông vào đồn biên phòng. Diện tích rừng đặc dụng chuyển đổi thuộc phân khu phục hồi sinh thái VQG Vũ Quang tại lô 1 và lô 2, khoảng 3, tiểu khu 181, xã Hòa Hải, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. ■

PHIM TÀI LIỆU VỀ ĐỒNG QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG

Bộ phim tài liệu dài 3 tập do Chương trình Việt Nam Xanh (kênh VTV2, Đài truyền hình Việt Nam) thực hiện, giới thiệu về các mô hình đồng quản lý rừng đặc dụng tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn – Ngổ Luông (Hòa Bình), Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải (Yên Bái), và Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Khau Ca (Hà Giang). Các mô hình này nằm trong khuôn khổ dự án do Tổ chức Bảo tồn Động thực vật Quốc tế (FFI) cùng Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) hỗ trợ với sự tài trợ của Cộng đồng châu Âu (EU) và Quỹ Ford.

Tập 1 phân tích mối quan hệ giữa người dân và rừng, trong đó nhấn mạnh vào mối liên hệ gắn kết giữa các giá trị đa dạng sinh học và các giá trị văn hóa của các cộng đồng địa phương hiện sống tại các khu bảo tồn và các vườn quốc gia.

Tập 2 nêu lên vai trò của cộng đồng đối với quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, trong đó giới thiệu một số mô hình nơi người dân tham gia cùng với ban quản lý khu bảo tồn và chính quyền địa phương đi tuần tra, bảo vệ các khu rừng đặc dụng. Đồng thời, người dân trong thôn bản cũng thường xuyên

nhắc nhở nhau về quyền và nghĩa vụ bảo vệ rừng.

Tập 3 mô tả những nỗ lực tạo ra một cơ chế phối hợp đồng quản lý giữa các ban quản lý khu bảo tồn, chính quyền địa phương, và người dân cùng tham gia quản lý, bảo vệ rừng, trong đó có những công cụ, chính sách hỗ trợ, khuyến khích cộng đồng như các gói tài trợ nhỏ phát triển sinh kế hay chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Quý vị có thể xem chi tiết phim tài liệu tại đường link sau: <http://bit.ly/btcs0016>

QUẢN LÝ VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC



Ảnh: Nguyễn Xuân Lâm/PanNature

Quản lý dữ liệu về sinh vật biến đổi gen

THÔNG TƯ 09/2012/TT-BTNMT CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NGÀY 22/08/2012 QUY ĐỊNH VIỆC CUNG CẤP, TRAO ĐỔI THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU VỀ SINH VẬT BIẾN ĐỔI GEN.

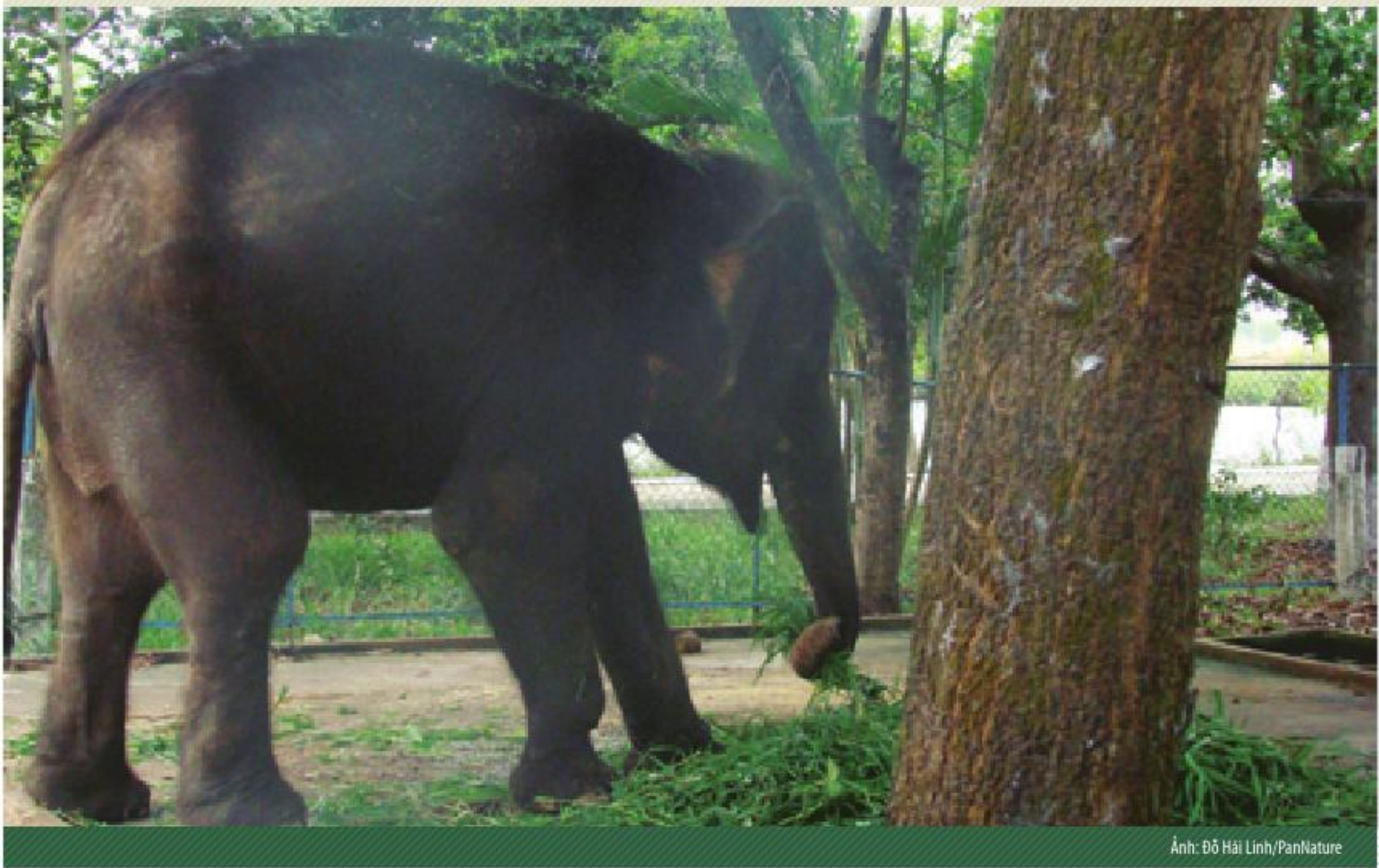
Dữ liệu về sinh vật biến đổi gen gồm bản chính và bản gốc các loại tài liệu như các thỏa thuận liên quan mà Việt Nam cam kết tham gia, các quy định pháp luật hiện hành và kết quả của các chương trình nghiên cứu khoa học về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen do cơ quan quản lý có thẩm quyền lưu giữ.

Cơ sở dữ liệu về sinh vật biến đổi gen được phân thành 3 cấp gồm quốc gia, ngành và địa phương. Cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ TN-MT xây dựng, lưu trữ và quản lý. Cơ sở dữ liệu ngành do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ xây dựng, lưu trữ và quản lý. Cơ sở dữ liệu địa phương do UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, lưu trữ và quản lý. Những

thông tin sẽ được lưu trữ trên các hệ thống tin học, thiết bị lưu trữ hoặc dưới dạng các văn bản và tài liệu. Dữ liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ công tác quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo.

Dữ liệu cũng sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử an toàn sinh học (<http://www.antoansinhhoc.vn>). Tổng cục Môi trường là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và cập nhật thông tin trang điện tử trên. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ngành, địa phương theo lĩnh vực quản lý có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu về sinh vật biến đổi gen dưới hình thức bằng văn bản và gửi đến Tổng cục Môi trường, đồng thời gửi các tệp thông tin, dữ liệu đến địa chỉ thư điện tử antoansinhhoc@vea.gov.vn.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/10/2012. ■



Ảnh: Đỗ Hải Linh/PanNature

Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn voi Việt Nam

QUYẾT ĐỊNH 940/QĐ-TTG NGÀY 19/07/2012 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG KHẨN CẤP ĐẾN NĂM 2020 ĐỂ BẢO TỒN VOI Ở VIỆT NAM.

Kế hoạch hành động khẩn cấp đến năm 2020 để bảo tồn voi ở Việt Nam ra đời nhằm mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững những quần thể voi hoang dã và voi nhà hiện có ở Việt Nam, đồng thời bảo tồn bền vững sinh cảnh nơi có quần thể voi đang sinh sống.

Cụ thể, Kế hoạch này nhằm ngăn chặn sự suy giảm số lượng voi, đảm bảo ít nhất 03 khu vực có voi sinh sống được bảo tồn, phát triển trong thế kỷ 21; Giảm thiểu khả năng xung đột giữa voi và người tại vùng có voi sinh sống; Bảo tồn và phát triển quần thể voi nhà tại tỉnh Đắk Lắk; Tăng cường tuyên truyền bảo vệ vùng sinh cảnh nơi có voi sinh sống; Và tăng cường hợp tác bảo tồn liên biên giới.

Đàn voi rừng của tỉnh Đắk Lắk đang suy giảm nghiêm trọng vì nhiều nguyên nhân như săn bắt lấy ngà, mất sinh cảnh và môi trường sống. Năm 2011, toàn tỉnh đã có 10 con voi rừng bị chết. Chỉ tính riêng từ đầu năm 2012 đến nay, tỉnh Đắk Lắk cũng đã có trên 6 cá thể voi rừng bị chết. Tại tỉnh Đồng Nai, theo khảo sát của ngành kiểm lâm tỉnh, vào thời điểm cuối năm 2011, toàn tỉnh còn một đàn voi khoảng 15 con. Tuy nhiên với nạn săn bắn voi, mất sinh cảnh và môi trường sống đang diễn ra như hiện nay, các nhà bảo tồn lo ngại trong một thời gian nữa đàn voi rừng ở các cánh rừng Đồng Nai sẽ không còn nữa (Tổng hợp thông tin từ báo chí).

Bộ NN-PTNT sẽ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương liên quan xây dựng đề án bảo tồn voi tại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Các hành động nằm trong Kế hoạch bảo tồn voi bao gồm: Tiếp tục thực hiện dự án bảo tồn sinh cảnh sống lâu dài của voi ở tỉnh Đắk Lắk, Đồng Nai và Nghệ An đang có quy mô đàn, sinh cảnh, diện tích vùng sống đáp ứng yêu cầu bảo tồn voi bền vững; Tổ chức bảo tồn tại chỗ những quần thể voi có số lượng ít, tạo cơ hội tối đa cho voi sinh sống trong thời gian dài. Trong trường hợp xấu nhất khi mọi nỗ lực không thực hiện được, đàn voi sẽ được xem xét di chuyển đi nơi khác. Giảm thiểu khả năng xung đột tại vùng có voi phân bố, lập phương án chi tiết thực hiện các giải pháp cụ thể cho từng vùng. Bên cạnh đó, tổ chức lập hồ sơ quản lý và gắn chip điện tử voi nhà hiện có để giám sát việc bảo vệ voi chặt chẽ; nghiên cứu việc sinh sản voi thuần dưỡng nhằm bảo tồn và phát triển số voi nhà hiện nay; xây dựng và phát triển Trung tâm bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk làm cơ sở cho việc nghiên cứu và bảo tồn voi nhà. Đồng thời tiến hành triển khai chiến dịch giáo dục nhận thức về bảo tồn voi cho các cộng đồng dân cư ở những vùng có voi sinh sống. ■

QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Ảnh: Dương Văn Thọ/PanNature

Ban hành Chiến lược mới về bảo vệ môi trường quốc gia

QUYẾT ĐỊNH 1216/QĐ-TTG NGÀY 05/09/2012 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.

Theo đó, mục tiêu chung đến năm 2020 là kiểm soát, hạn chế về cơ bản mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học; tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường sống; nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Cụ thể, Chương trình hướng tới việc giảm cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường; giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên; kiểm soát tốc độ suy giảm đa dạng sinh học; tăng cường khả năng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm độ gia tăng phát thải khí nhà kính.

Tiến đến năm 2030, Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia hướng đến việc ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng môi trường sống; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; hình thành các điều kiện cơ bản cho

nền kinh tế xanh, ít chất thải, các-bon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

Chiến lược này đưa ra 4 định hướng về nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường gồm: (i) Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường; (ii) Cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái, đẩy mạnh cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường; (iii) Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; (iv) Và xây dựng năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Bộ TN-MT là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm điều phối giúp Thủ tướng Chính phủ thống nhất Chiến lược. Các giải pháp tổng thể để thực hiện tốt chiến lược gồm: Phổ biến giáo dục, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về việc bảo vệ môi trường; Hoàn thiện các cơ chế pháp lý; Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ bảo vệ môi trường; Phát triển kinh tế môi trường, tăng cường và đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường; và Thúc đẩy hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. ■





KINH TẾ XANH

Chiến lược phát triển “kinh tế xanh” hiện đang được quan tâm trên các diễn đàn toàn cầu cũng như ở nhiều quốc gia. Theo Chương trình môi trường của Liên Hiệp Quốc (UNEP), kinh tế xanh là một nền kinh tế mà trong đó “sự tăng thu nhập và việc làm được định hướng bởi các đầu tư công và tư nhằm giảm thiểu phát thải các-bon và ô nhiễm, tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên, và chống lại sự suy thoái đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái.”

Hai mươi năm về trước, Hội nghị toàn cầu của Liên Hiệp Quốc về Môi trường và Phát triển đã đưa ra Tuyên bố Rio 1992 với tinh thần hướng về một sự phát triển bền vững cho toàn thể nhân loại. Hiện nay, “kinh tế xanh” được xem như là chiến lược sống còn để các quốc gia tiến

tới phát triển bền vững. Nếu như khái niệm “phát triển bền vững” hướng tới sự hài hòa giữa ba giá trị về kinh tế, xã hội, môi trường thì khái niệm “kinh tế xanh” nhấn mạnh vào mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, với một mục tiêu rõ ràng là định hướng lại con đường phát triển kinh tế. Đến thời điểm này, ít nhất khái niệm “kinh tế xanh” cũng góp phần làm cụ thể hóa chiến lược đi tìm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ các giá trị của hệ sinh thái bằng việc chỉ ra những bước đi cụ thể như giảm phát thải, sử dụng năng lượng sạch, sản xuất sạch hơn hay chi trả cho các dịch vụ hệ sinh thái.

Như vậy, công cuộc xanh hóa nền kinh tế có thể được thực hiện ở nhiều khâu, từ ra quyết định

đầu tư, huy động vốn đầu tư, lựa chọn công nghệ trong sản xuất, cho tới các dịch vụ công và tiêu dùng. Nhiều công cụ được đưa ra như tín dụng xanh, kế toán xanh, việc làm xanh, công nghệ xanh chính là để thực hiện việc chuyển đổi, xây dựng một nền kinh tế xanh trên nhiều lĩnh vực.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi các nền “kinh tế nâu” hiện tại (sử dụng năng lượng lãng phí, lượng thải lớn, hủy hoại hệ sinh thái) sang một nền kinh tế xanh (sử dụng năng lượng bền vững, giảm thải, bảo tồn hệ sinh thái) không phải là một chuyện dễ dàng. Một trong những yêu cầu đầu tiên cho kinh tế xanh là quyết tâm chính trị và sức ép đủ lớn từ các nhóm xã hội.

Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012-2015

QUYẾT ĐỊNH 1206/QĐ-TTG NGÀY 02/09/2012 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA KHẮC PHỤC Ô NHIỄM VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2012 - 2015.

Mục tiêu tổng quát của Chương trình là khắc phục ô nhiễm, cải thiện và phục hồi chất lượng môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái; ngăn chặn sự phát sinh của các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái mới để đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

Chương trình sẽ tập trung vào khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường đối với 47 làng nghề đang bị ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng; Cải thiện và phục hồi 100 khu vực bị ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước; Đồng thời triển khai, thực hiện các dự án thu gom, xử lý nước thải từ các đô thị loại II trở lên, xả trực tiếp ra 03 lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy, sông Cầu và hệ thống sông Đồng Nai.

Tổng số vốn để thực hiện Chương trình trên là 5.863 tỷ đồng. Chương trình sẽ được thực hiện từ năm 2012 đến năm 2015. Bộ TN-MT là cơ quan thường trực của Chương trình, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình này. ■



Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature



Ảnh: Hoàng Văn Chiên/PanNature

Tiêu chí cho túi ni-lông thân thiện với môi trường

THÔNG TƯ 07/2012/TT-BTNMT NGÀY 04/07/2012 CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VỀ VIỆC QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG NHẬN TÚI NI-LÔNG THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG.

Theo đó, túi ni-lông được cấp Giấy chứng nhận thân thiện với môi trường khi đáp ứng các đặc tính sau: Có độ dày một lớp màng lớn hơn 30 μm (micrômét), kích thước nhỏ nhất lớn hơn 20 cm (xăngtimét) và tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu túi ni-lông phải có kế hoạch thu hồi, tái chế; Hoặc có khả năng phân hủy sinh học tối thiểu 60% trong thời gian không quá 02 năm. Ngoài ra, để được cấp giấy chứng nhận, hàm lượng kim loại nặng trong các túi ni-lông phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn và các cơ sở sản xuất phải tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường.

Việc thử nghiệm để xác định các đặc tính của túi ni-lông thân thiện với môi trường phải thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), hoặc tiêu chuẩn của Hoa Kỳ, châu Âu,

Úc hay các tiêu chuẩn quốc tế tương đương. Giấy chứng nhận túi ni-lông thân thiện với môi trường có hiệu lực không quá 36 tháng kể từ ngày được cấp, và được gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn có hiệu lực không quá 24 tháng kể từ ngày được gia hạn.

Túi ni-lông được cấp giấy chứng nhận thân thiện môi trường sẽ không phải chịu thuế bảo vệ môi trường được quy định trong Luật Thuế Bảo vệ Môi trường năm 2010.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 20/08/2012. ■

Tháng 10/2010, tại một hội thảo về chủ đề bao bì thân thiện môi trường, TS. Hà Thúc Chí Nhân (Trưởng ĐH Khoa học Tự nhiên TPHCM) cho biết hiện trên thị trường đã có các sản phẩm túi ni-lông có khả năng phân hủy, nhưng thực chất chỉ dừng ở mức phân rã thành các mảnh vụn chứ không thật sự biến mất khi thải ra môi trường. Trong khi đó, để không gây hại cho môi trường sản phẩm phải có khả năng phân hủy sinh học, tức là phân rã thành nước và CO₂ dưới sự hỗ trợ của các vi sinh vật. Một số ít sản phẩm túi ni-lông nhập ngoại thỏa mãn yêu cầu phân hủy sinh học, tuy nhiên giá thành lại quá đắt (Theo báo Lao Động, 2010).

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ảnh: Hoàng Văn Chiến/PanNature

Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu

NGÀY 30/08/2012, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH 1183/QĐ-TTG VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2012 - 2015.

Trong giai đoạn từ năm 2012 - 2015, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) sẽ được triển khai thực hiện trên toàn quốc với các mục tiêu cụ thể: Tiếp tục cập nhật các kịch bản BĐKH ở Việt Nam; Đánh giá mức độ tác động của BĐKH đến các lĩnh vực, ngành, địa phương; Xác định các giải pháp ứng phó với BĐKH; Tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu về BĐKH, nước biển dâng; và Nâng cao nhận thức của người dân về BĐKH và các tác động.

Chương trình cũng đưa ra một số nhiệm vụ cụ thể như: Xây dựng, ban hành kế hoạch

hành động cấp Quốc gia, Bộ, Ngành, Địa phương để ứng phó với BĐKH; Xây dựng hệ thống giám sát BĐKH, nước biển dâng; Xây dựng các bản đồ ngập lụt, rủi ro thiên tai, khí hậu theo kịch bản BĐKH và nước biển dâng; Triển khai các mô hình thí điểm thích ứng với BĐKH, nước biển dâng ở hai tỉnh thí điểm Quảng Nam, Bến Tre và đề xuất phương án nhân rộng; Ban hành các chính sách thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực ưu tiên.

Tổng kinh phí dự kiến cho Chương trình là 1.771 tỷ đồng với 3 dự án thành phần: Đánh giá mức độ BĐKH và nước biển dâng; Xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH; Và nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. ■

CÁC DỰ THẢO CHÍNH SÁCH



Ảnh: Trần Hải/PanNature

Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) bao gồm 14 chương, 190 điều với điểm nhấn nổi bật nhất là việc đề xuất tăng thời hạn giao đất nông nghiệp lên 50 năm thay cho 20 năm như Luật Đất đai 2003 qui định. Việc gia tăng thời hạn nhằm mục đích tăng cường sự gắn bó của nông dân đối với việc đầu tư sản xuất nông nghiệp và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Đồng thời, dự thảo Luật Đất đai sửa đổi cũng đề xuất một số thay đổi về hạn mức chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp. Theo đó, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình và cá nhân không được vượt quá 10 lần (theo Luật Đất đai 2003 là 02 lần) hạn mức giao đất nông nghiệp. Chính phủ sẽ quy định hạn mức cụ thể cho phù hợp với đặc điểm của từng vùng và từng thời kỳ.

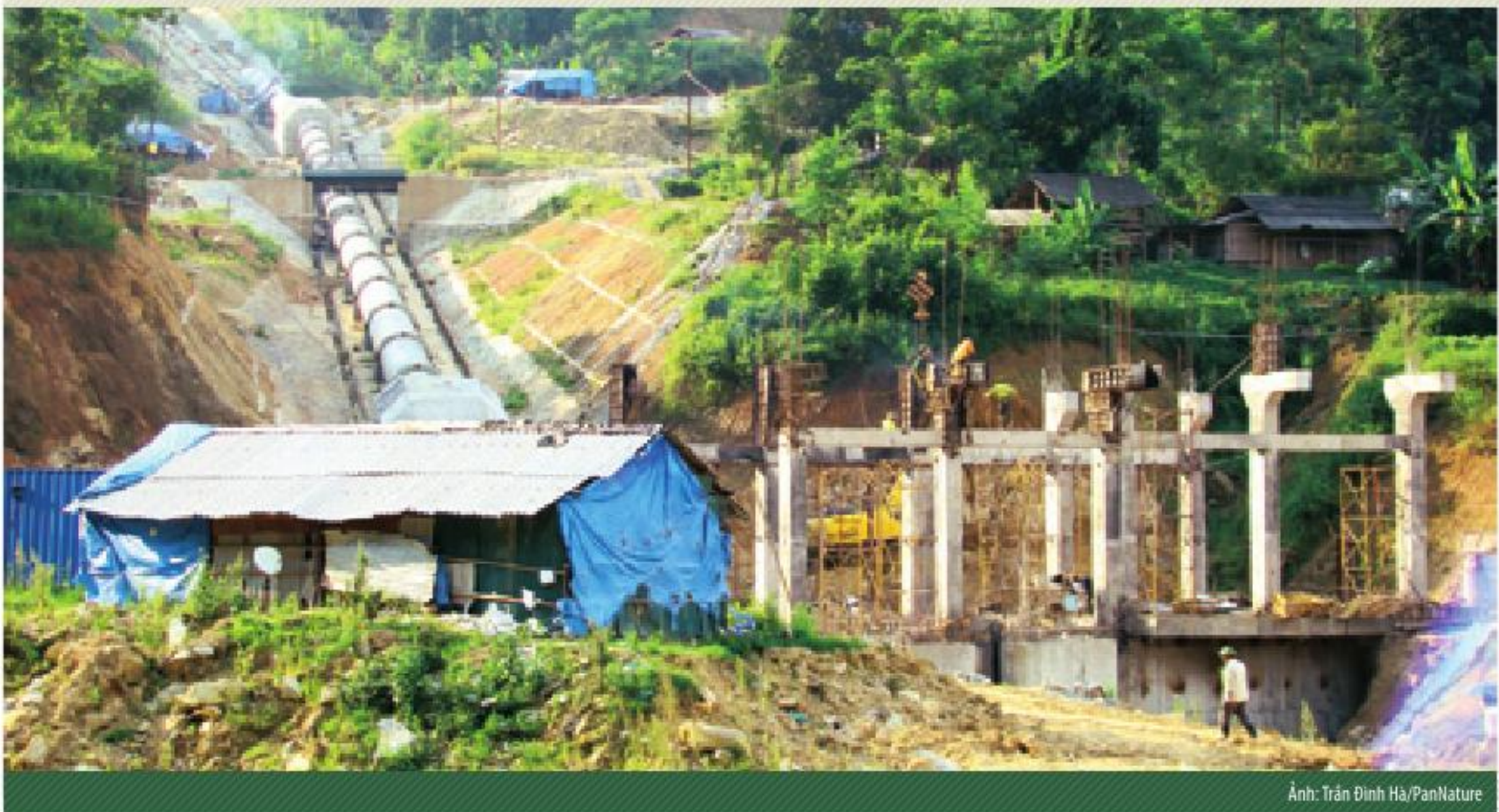
Bên cạnh đó, Dự thảo cũng đề xuất thời hạn giao và cho thuê đất không quá 50 năm đối với tổ chức kinh tế sử dụng đất cho mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; tổ chức kinh tế sử dụng đất để triển thực hiện các dự án đầu tư. Đối với dự án có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm và dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó

khăn, thời hạn cho thuê đất có thể kéo dài đến 70 năm.

Tuy nhiên, hạn mức giao đất nông nghiệp không thay đổi so với Luật Đất đai 2003. Theo đó, hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 03 ha đối với mỗi loại đất. Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 10 ha đối với các xã, phường, thị trấn ở đồng bằng và không quá 30 ha đối với các xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi. Hạn mức giao đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 30 ha đối với đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất. Nếu hộ gia đình, cá nhân được giao nhiều loại đất bao gồm đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối thì tổng hạn mức giao đất không quá 05 ha.

Việc xác định giá đất cũng được điều chỉnh nhằm phù hợp hơn với tình hình thị trường hiện nay, hạn chế tình trạng kiện cáo của người dân do mức đền bù không thỏa đáng khi tiến hành các dự án đầu tư liên quan đến việc thu hồi đất đai.

Chi tiết bản Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) xem tại địa chỉ: <http://bit.ly/btcs0013> ■



Ảnh: Trần Đình Hà/PanNature

Dự thảo thông tư mới về quản lý quy hoạch thủy điện

Theo bản dự thảo, Quy hoạch thủy điện được lập 01 lần và có thể được rà soát theo định kỳ 05 năm nhằm điều chỉnh và bổ sung các dự án. Quy hoạch thủy điện bao gồm 03 loại: (i) Quy hoạch bậc thang thủy điện là quy hoạch xác định các dự án thủy điện có thể đầu tư xây dựng với công suất lắp máy (Nlm) lớn hơn 30MW trên một dòng sông hoặc hệ thống các dòng sông của một lưu vực sông. (ii) Quy hoạch thủy điện nhỏ là quy hoạch xác định các dự án thủy điện có thể đầu tư xây dựng với Nlm dưới 30MW trên các sông, suối nhánh của lưu vực sông; (iii) và Quy hoạch thủy điện tích năng là quy hoạch xác định các vị trí có thể xây dựng được nhà máy thủy điện tích năng nhằm cung cấp công suất phủ đỉnh biểu đồ phụ tải của hệ thống điện quốc gia.

Trong đó, Quy hoạch bậc thang thủy điện và Quy hoạch thủy điện nhỏ phải đặc biệt quan tâm đến một số nội dung sau: Cập nhật hiện trạng và quy hoạch các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước có liên quan trên lưu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Điều tra, khảo sát đầy đủ các điều kiện tự nhiên trong khu vực nghiên cứu quy hoạch; Đánh giá ảnh hưởng của các dự án thủy điện đề xuất đối với các dự án có liên quan khác trên lưu vực; Đánh giá môi trường chiến lược theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/04/2011 của Chính phủ; Khảo sát, đánh giá sơ bộ về ảnh hưởng của các dự

án đề xuất quy hoạch đối với dân cư, đất đai, nhu cầu khai thác và sử dụng nước phía hạ lưu. Ngoại trừ các dự án thủy điện lớn đa mục tiêu, các dự án khác được đề xuất quy hoạch phải đảm bảo không chiếm dụng quá 10 ha đất các loại hoặc không di dời quá 01 hộ dân trên 01 MW công suất lắp máy.

Bản dự thảo cũng yêu cầu chủ đầu tư dự án thủy điện phải có đủ năng lực tài chính đảm bảo vốn tự có đạt tối thiểu 30% Tổng mức đầu tư và được các tổ chức tín dụng, ngân hàng cam kết bằng văn bản cho vay phần vốn đầu tư còn lại. Riêng đối với các dự án thủy điện đa mục tiêu (phát điện kết hợp cắt giảm lũ hay tạo nguồn cấp nước) chủ đầu tư phải là doanh nghiệp có tối thiểu 51% vốn thuộc sở hữu của Nhà nước.

Dự thảo cũng nêu rõ, trước ngày 30/11 hàng năm, UBND tỉnh trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án thủy điện trên địa bàn trong năm tiếp theo. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn từ 2 tỉnh trở lên, UBND tỉnh có nhà máy thủy điện chủ trì, thống nhất với UBND các tỉnh có liên quan để trình Bộ Công Thương phê duyệt.

Chi tiết Dự thảo Thông tư và các ý kiến đóng góp xem tại địa chỉ: <http://bit.ly/btcs0014> ■



Ảnh: Trần Hải/PanNature

Chính sách đặc thù đối với công ty lâm nghiệp

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1019/TTg-ĐMDN ngày 24/06/2011 về việc sắp xếp đổi mới nông, lâm trường quốc doanh, Bộ NN-PTNT đang tiếp tục xây dựng dự thảo Quyết định về một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu (gọi tắt là Công ty lâm nghiệp).

Theo đó, khi Công ty lâm nghiệp khai thác chính gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên thì phải có phương án quản lý rừng bền vững và thiết kế khai thác phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể, Bộ NN-PTNT (Tổng cục Lâm nghiệp) sẽ phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, Sở NN-PTNT cấp tỉnh phê duyệt thiết kế khai thác hàng năm cho các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đối với rừng phòng hộ, đặc dụng là rừng tự nhiên thì Công ty lâm nghiệp được phép khai thác gỗ và lâm sản trên cơ sở phương án

quản lý rừng bền vững theo hướng dẫn của Bộ NN-PTNT, đảm bảo không làm giảm hiệu năng phòng hộ của rừng và tốc độ khai thác không được lớn hơn tốc độ tăng trưởng của rừng.

Dự thảo cũng nêu rõ, các Công ty lâm nghiệp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với diện tích đất được giao có rừng sản xuất; và miễn tiền thuê rừng đối với diện tích rừng sản xuất hình thành từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Các Công ty lâm nghiệp còn được phép dùng giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng để góp vốn liên kết trong các dự án lâm nghiệp và dịch vụ hoặc để thế chấp khi vay vốn đầu tư sản xuất kinh doanh lâm nghiệp.

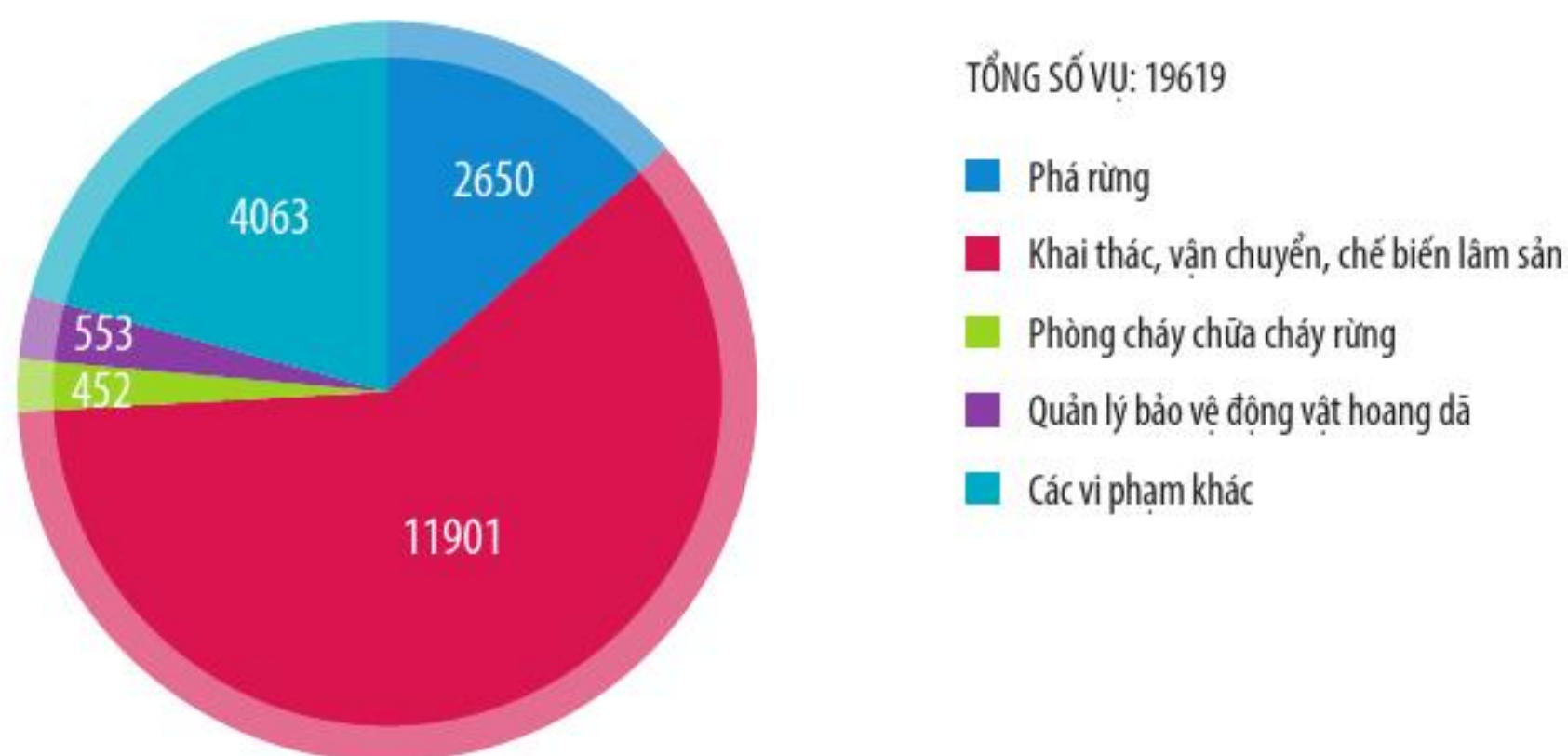
Chi tiết bản Dự thảo Quyết định và các ý kiến đóng góp xem tại địa chỉ: <http://bit.ly/btcs0015> ■

THỐNG KÊ – DỮ LIỆU

CÁC BIỂU ĐỒ DƯỚI ĐÂY LÀ KẾT QUẢ THỐNG KÊ DỮ LIỆU TỪ CỤC KIỂM LÂM (WWW.KIEMLAM.ORG.VN)

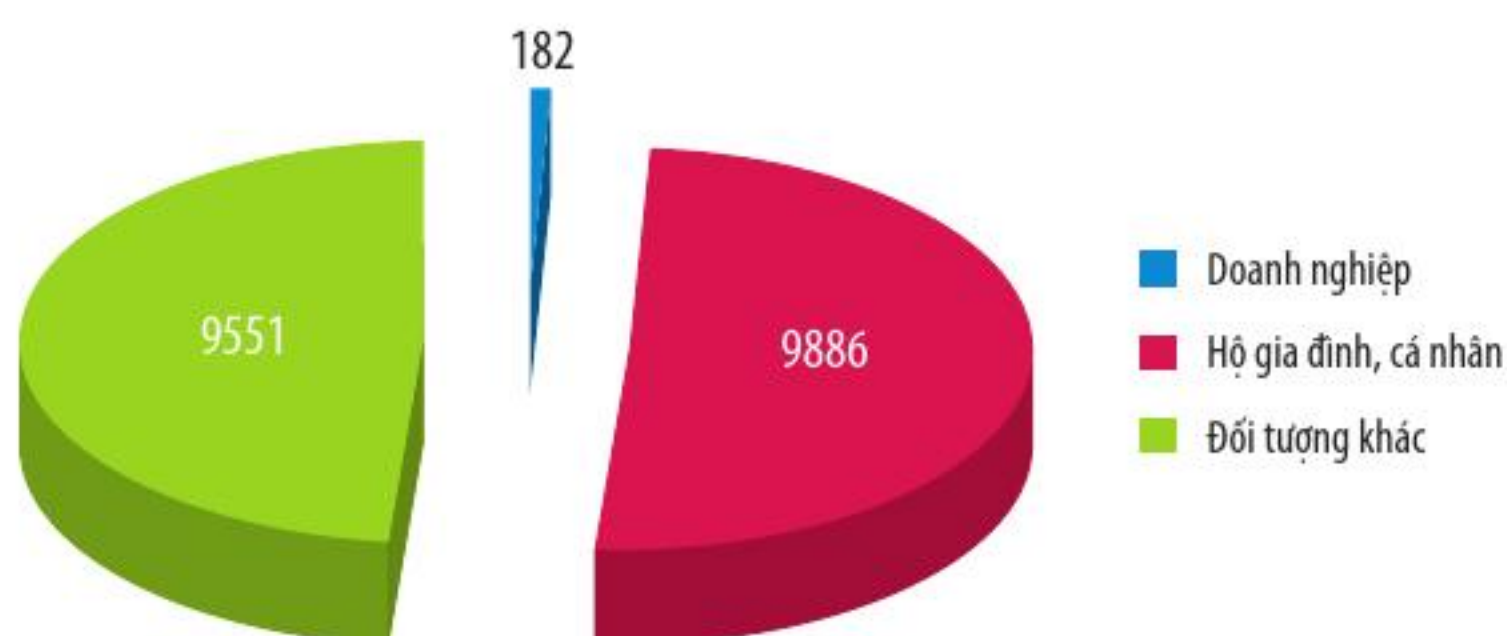
SỐ VỤ VI PHẠM LÂM LUẬT 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

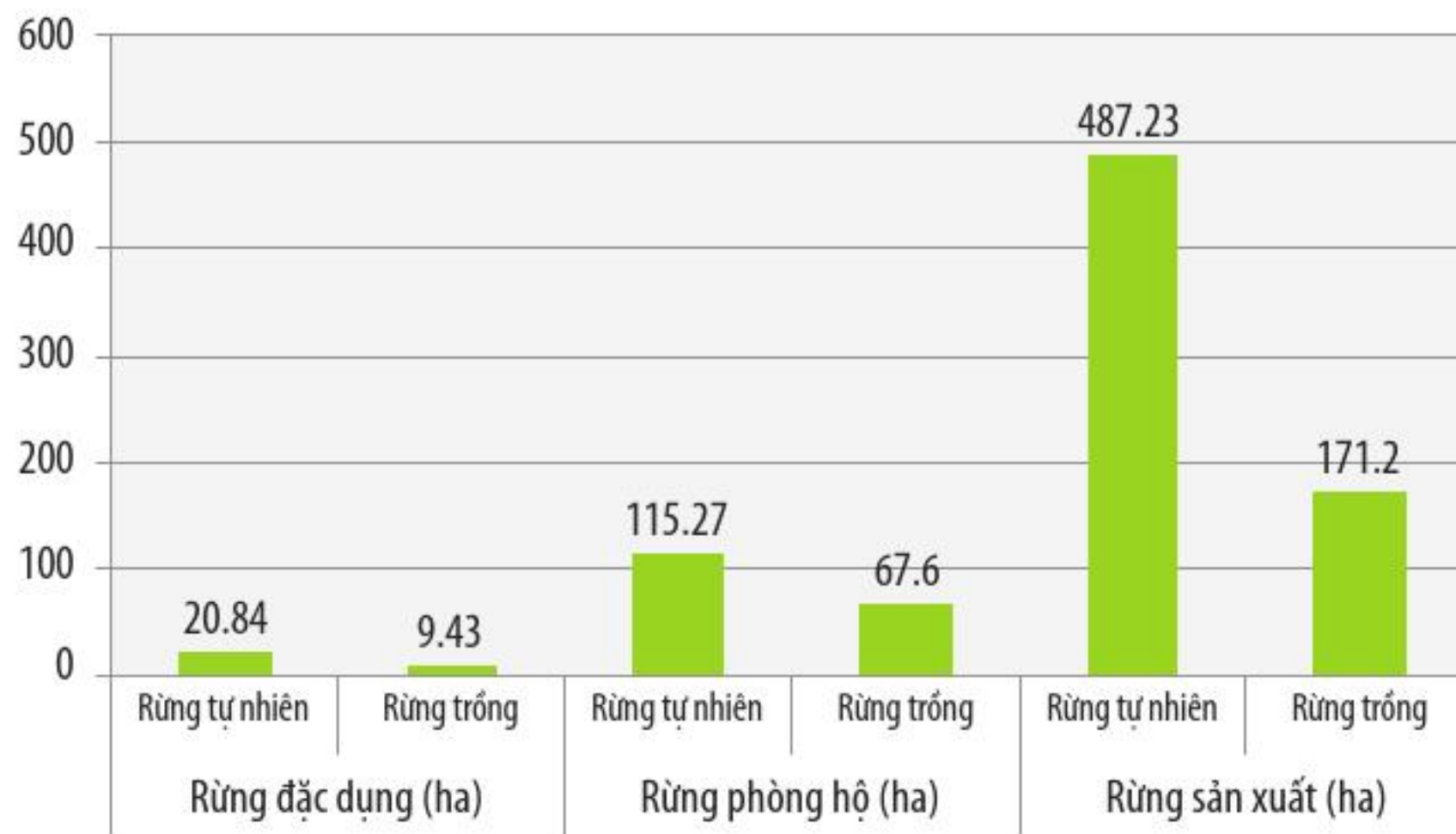
(đơn vị tính: vụ)



ĐỐI TƯỢNG VI PHẠM LÂM LUẬT 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

(đơn vị tính: đối tượng)



DIỆN TÍCH RỪNG BỊ PHÁ TRONG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2012**DIỆN TÍCH RỪNG BỊ PHÁ THEO MỤC ĐÍCH 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2012**

(đơn vị tính: ha)



TỔNG HỢP DANH MỤC VĂN BẢN QPPL QUÝ III/2012

Số hiệu	Tên văn bản
I. Quản trị tài nguyên rừng	
42/2012/TT-BNNPTNT	Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản. <i>Có hiệu lực từ ngày 15/10/2012</i>
2436/BNN-TCLN	Công văn số 2436/BNN-TCLN ngày 06/08/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đặc dụng để xây dựng công trình thủy lợi Buôn Trí tại VQG Yok Đôn tỉnh Đắk Lắk.
126/2012/TT-BTC	Thông tư 126/2012/TT-BTC ngày 07/08/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí tham quan tại các Vườn quốc gia: Bạch Mã, Cúc Phương, Ba Vì, Tam Đảo, Yokdon và Cát Tiên. <i>Có hiệu lực từ ngày 01/10/2012</i>
343/BNN-TCLN	Công văn số 343/BNN-TCLN ngày 30/07/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng sang làm đường giao thông, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.
1773/QĐ-BNN-HTQT	Quyết định 1773/QĐ-BNN-HTQT ngày 27/07/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án Trồng rừng bảo vệ môi trường tại huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang, huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ và huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế do Trung tâm Hợp tác Quốc tế và Xúc tiến lâm nghiệp Nhật Bản (JIFPRO) tài trợ.
1667/QĐ-BNN-TCLN	Quyết định 1667/QĐ-BNN-TCLN ngày 18/07/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án chuyển giao Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.
4920/VPCP-KTN	Ngày 04/07/2012 Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 4920/VPCP-KTN về tăng cường quản lý các dự án Thủy điện.
II. Quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học	
09/2012/TT-BTNMT	Thông tư 09/2012/TT-BTNMT ngày 22/08/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc cung cấp, trao đổi thông tin và dữ liệu về sinh vật biến đổi gen. <i>Có hiệu lực từ ngày 08/10/2012</i>
1840/QĐ-BNN-HTQT	Quyết định 1840/QĐ-BNN-HTQT ngày 03/08/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Hợp phần của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Dự án Khắc phục trở ngại nhằm tăng cường hiệu quả quản lý các khu bảo tồn ở Việt Nam.
940/QĐ-TTg	Quyết định 940/QĐ-TTg ngày 19/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động khẩn cấp đến năm 2020 để bảo tồn voi ở Việt Nam.
III. Quản lý môi trường	
69/2012/NĐ-CP	Nghị định 69/2012/NĐ-CP ngày 14/09/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Nghị định 67/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường. <i>Có hiệu lực từ ngày 15/11/2012</i>
67/2012/NĐ-CP	Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/09/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. <i>Có hiệu lực từ ngày 01/01/2013</i>
1216/QĐ-TTg	Quyết định 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
1206/QĐ-TTg	Ngày 02/09/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1206/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015.

Số hiệu	Tên văn bản
1792/QĐ-BNN-HTQT	Quyết định 1792/QĐ-BNN-HTQT ngày 31/07/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt thực hiện Dự án “Làng nghề bền vững: Giải quyết vấn đề ô nhiễm nước ở các làng nghề Việt Nam” do Đại học Quốc gia Úc tài trợ.
07/2012/TT-BTNMT	Thông tư 07/2012/TT-BTNMT ngày 04/07/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận túi ni-lông thân thiện với môi trường. <i>Có hiệu lực từ ngày 20/08/2012</i>
IV. Quản trị tài nguyên khoáng sản	
5472/QĐ-BCT	Quyết định 5472/QĐ-BCT ngày 20/09/2012 của Bộ Công Thương về việc bổ sung Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng crômít, mangan giai đoạn 2007 - 2015 định hướng đến năm 2025.
V. Quản lý tài nguyên nước	
15/2012/L-CTN	Ngày 02/07/2012, Chủ tịch nước ban hành Lệnh 15/2012/L-CTN về việc công bố Luật Tài nguyên nước.
295/TB-VPCP	Thông báo 295/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại Hội nghị tổng kết giai đoạn 2006 - 2011 và triển khai giai đoạn 2012 - 2020 của Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển.
VI. Năng lượng, Biến đổi khí hậu và Quản lý rủi ro thiên tai	
6851/VPCP-QHQT	Ngày 04/09/2012, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn 6851/VPCP-QHQT về việc phê duyệt kết quả đàm phán với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) về khoản vay dự án Quản lý và giảm nhẹ rủi ro hạn hán và lũ lụt Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng.
1183/QĐ-TTg	Ngày 30/08/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1183/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2015.
1092/QĐ-TTg	Quyết định 1092/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung ma trận chính sách năm 2012 thuộc Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC).
2734/QĐ-BVHTTDL	Quyết định 2734/QĐ-BVHTTDL ngày 25/07/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thành lập Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu.
VII. Chính sách phát triển khác	
1231/QĐ-TTg	Ngày 07/09/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1231/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2015.
21/2012/TT-BLĐTBXH	Ngày 05/09/2012, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 21/2012/TT-BLĐTBXH về việc hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.
1338/TTg-KTN	Ngày 04/09/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn 1338/TTg-KTN về việc phê duyệt Khung chính sách tái định cư dự án Phát triển các đô thị dọc hàng lang Tiểu vùng sông Mê Kông, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).
1200/QĐ-TTg	Ngày 31/08/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1200/QĐ-TTg về việc phê duyệt Khung kế hoạch triển khai Nghị quyết 80/NQ-CP về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020.
936/QĐ-TTg	Quyết định 936/QĐ-TTg ngày 18/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020.
Các dự thảo chính sách đang xây dựng	
Dự thảo Thông tư “Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện và vận hành khai thác các công trình thủy điện”.	
Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)	
Dự thảo Quyết định về một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu.	



Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) là tổ chức phi lợi nhuận hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện với môi trường.



Ford Foundation



CRITICAL ECOSYSTEM
PARTNERSHIP FUND

► Nếu quý vị muốn đăng ký nhận bản tin này hoặc đóng góp ý kiến cho chúng tôi, xin vui lòng liên hệ với:

Phòng Nghiên cứu Chính sách

TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

Số 6, N8B Trung Hòa Nhân Chính,
Nguyễn Thị Thập, Thanh Xuân, Hà Nội

Hòm thư 612, Bưu điện Hà Nội

ĐT: (04) 3556-4001 Fax: (04) 3556-8941

Email: policy@nature.org.vn

Website: www.nature.org.vn

Chịu trách nhiệm về nội dung và xuất bản : Trung tâm Con người và Thiên nhiên
Giấy phép xuất bản số 60/GP-XBBT, do Cục Báo chí cấp ngày 10/08/2011.
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV/2012.

Graphic Design: ngiemhoanganh267@yahoo.com